

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quốc Huy.

Ông Kator Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quý - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

Địa chỉ trụ sở chính: LPBank Tower, B T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là B T, phường H, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần L - Chi nhánh N.

Địa chỉ chi nhánh: Số D, Đường A tháng D, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Số D, Đường A tháng D, phường P, tỉnh Khánh Hòa).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1992. Chức vụ: Chuyên viên Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh N. (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 162/2025/GUQ-NT ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh N)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc V, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn S, xã B, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2023, Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) - Chi nhánh N (sau đây gọi tắt là: L1) có cho bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Ngọc V vay tiền thông qua Hợp đồng tín dụng số: HDTD623202328, cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: 230.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày 16/01/2023 đến ngày 13/01/2024.
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn trồng mì.
- Lãi suất trong hạn: 12%/năm tính trên nợ gốc.
- Phương thức áp dụng: Lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Lãi suất chậm trả: 10 %/năm.
- Lãi suất hiện nay: 13,85 %/năm.
- Phương thức trả nợ gốc, lãi.
 - + Trả nợ gốc: Cuối kỳ (13/01/2024).
 - + Trả nợ lãi: vào ngày 13 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 353630, số vào sổ cấp GCN: CS00312 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 05/9/2019 cho bà Nguyễn Thị H.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6232021157 ký ngày 15/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số PL01-HĐTC6232021157 ký ngày 13/01/2023. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/12/2021 tại Văn phòng Đ - Chi nhánh B1.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, L1 đã giải ngân cho ông V và bà H đầy đủ số tiền: 230.000.000 đồng.

Trong quá trình vay vốn, từ ngày 16/01/2023 đến ngày 13/12/2023, ông V và bà H đã thanh toán tiền lãi hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 13/01/2024, đến kỳ trả nợ gốc và lãi nhưng ông V và bà H không trả cho L1. Mặc dù L1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu ông V, bà H thanh toán các khoản nợ đến hạn nhưng ông bà vẫn không trả nợ.

Tính đến ngày 22/8/2025, ông V và bà H còn nợ L1 số tiền: 310.129.476 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 229.999.999 đồng.
- Lãi trong hạn: 2.696.531 đồng.
- Lãi quá hạn: 76.975.644 đồng.
- Lãi chậm trả: 457.302 đồng.

Nay L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải trả cho L1 toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 310.129.476 đồng.

2. Buộc ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/8/2025 đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho L1.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6232021157 ký ngày 15/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số PL01-HĐTC6232021157 ký ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) - Chi nhánh N với ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản đảm bảo sẽ được Ngân hàng Thương mại Cổ phần L phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: L1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H: Tòa án đã niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người được ủy quyền lại của L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải trả cho L1 toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 với số tiền là: 310.129.476 đồng. Trong đó: Nợ gốc 229.999.999 đồng; Tiền lãi 80.129.477 đồng.

- Buộc ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/8/2025 đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho L1.

- Tiếp tục duy trì Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6232021157 ký ngày 15/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số PL01-HĐTC6232021157 ký ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) - Chi nhánh N với ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án.

- Buộc ông V, bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: L1 khởi kiện, yêu cầu ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD623202328 ký ngày 13/01/2023. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn S, xã B, tỉnh Khánh Hòa; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa.

Về sự vắng mặt của đương sự: Từ khi thu lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của L1 về việc yêu cầu ông V, bà H phải trả nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 310.129.476 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu Hợp đồng tín dụng số: HDTD623202328 ký ngày 13/01/2023, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 623202328/01 ngày 16/01/2023, thông báo nợ vay phải thanh toán (chi tiết). Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 13/01/2023, ông V và bà H ký hợp đồng tín dụng để vay của L1 số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung vốn trồng mì, lãi suất trong hạn là 12%/năm, phương thức áp dụng lãi suất chính định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ gốc cuối kỳ (13/01/2024), định kỳ trả lãi vào ngày 13 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Giao dịch giữa L1 - Chi nhánh N với ông V và bà H được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đúng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng nên đây là giao dịch hợp pháp.

Đến hạn trả nợ, ông V và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 14/01/2024, L1 đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc mà ông V, bà H không trả theo thỏa thuận là phù hợp với Điều 2 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2025, ông V và bà H còn nợ L1 số tiền 310.129.476 đồng, trong đó: nợ gốc 229.999.999 đồng, nợ lãi trong hạn 2.696.531 đồng, nợ lãi quá hạn 76.975.644 đồng, lãi chậm trả 457.302 đồng.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà L1 đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông V và H đều vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của L1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 466 của

Bộ luật Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của L1 là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về mức lãi suất và phương thức tính lãi: L1 áp dụng mức lãi suất đối với cá nhân, hộ gia đình vay vốn có bảo đảm bằng tài sản thế chấp, được L1 điều chỉnh theo từng kỳ. Lãi suất hiện nay là 13,85%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thấy rằng: Mức lãi suất và phương thức tính lãi của L1 thể hiện tại Bảng kê tính lãi là đúng như sự thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD623202328 ký ngày 13/01/2023; Phù hợp với Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng. Mức lãi suất đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3] Do yêu cầu khởi kiện của L1 được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận. Vì vậy, ông V và bà H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/8/2025 với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HDTD623202328 đã ký ngày 13/01/2023 với L1 cho đến khi thi hành án xong.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của L1 về việc buộc ông V, bà H tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6232021157 ký ngày 15/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số PL01-HĐTC6232021157 ký ngày 13/01/2023 để đảm bảo thi hành án.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho L1, ông V và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng Thừa đất số 125, tờ bản đồ số 38, diện tích 507,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 353630, số vào sổ cấp GCN: CS00312 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 05/9/2019 cho bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC6232021157 ký ngày 15/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số PL01-HĐTC6232021157 ký ngày 13/01/2023 được công chứng tại Văn phòng C và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đ - Chi nhánh B1 vào ngày 15/12/2021.

Do ông V, bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho L1. Vì vậy, ông V, bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ và thi hành án. Trường hợp ông V, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được L1 phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. L1 đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của L1 được chấp nhận. Vì vậy, theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông V, bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho L1 số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 280, 325, 357 và 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 4 và Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

Buộc ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền nợ vay tính đến ngày 22/8/2025 là 310.129.476 (*Ba trăm mười triệu một trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi sáu*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 229.999.999 đồng.
- Lãi trong hạn: 2.696.531 đồng.
- Lãi quá hạn: 76.975.644 đồng.
- Lãi chậm trả: 457.302 đồng.

Kể từ ngày 23/8/2025, ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HDTD623202328 ký ngày 13/01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số HDTD623202328 ký ngày 13/01/2023, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B (nay là Thương mại Cổ phần L) thì lãi suất mà ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6232021157 ký ngày 15/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bổ sung số PL01-HĐTC6232021157 ký ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) - Chi nhánh N với ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản đảm bảo sẽ được Ngân hàng Thương mại Cổ phần L phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.

3. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định: Ông Đỗ Ngọc V, bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng, phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền này.

4. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc V và bà Nguyễn Thị H phải chịu 15.506.473 (*mười lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn bốn trăm bảy mươi ba*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.803.000 (*sáu triệu tám trăm linh ba nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001947 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Khánh Hòa).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Đồng